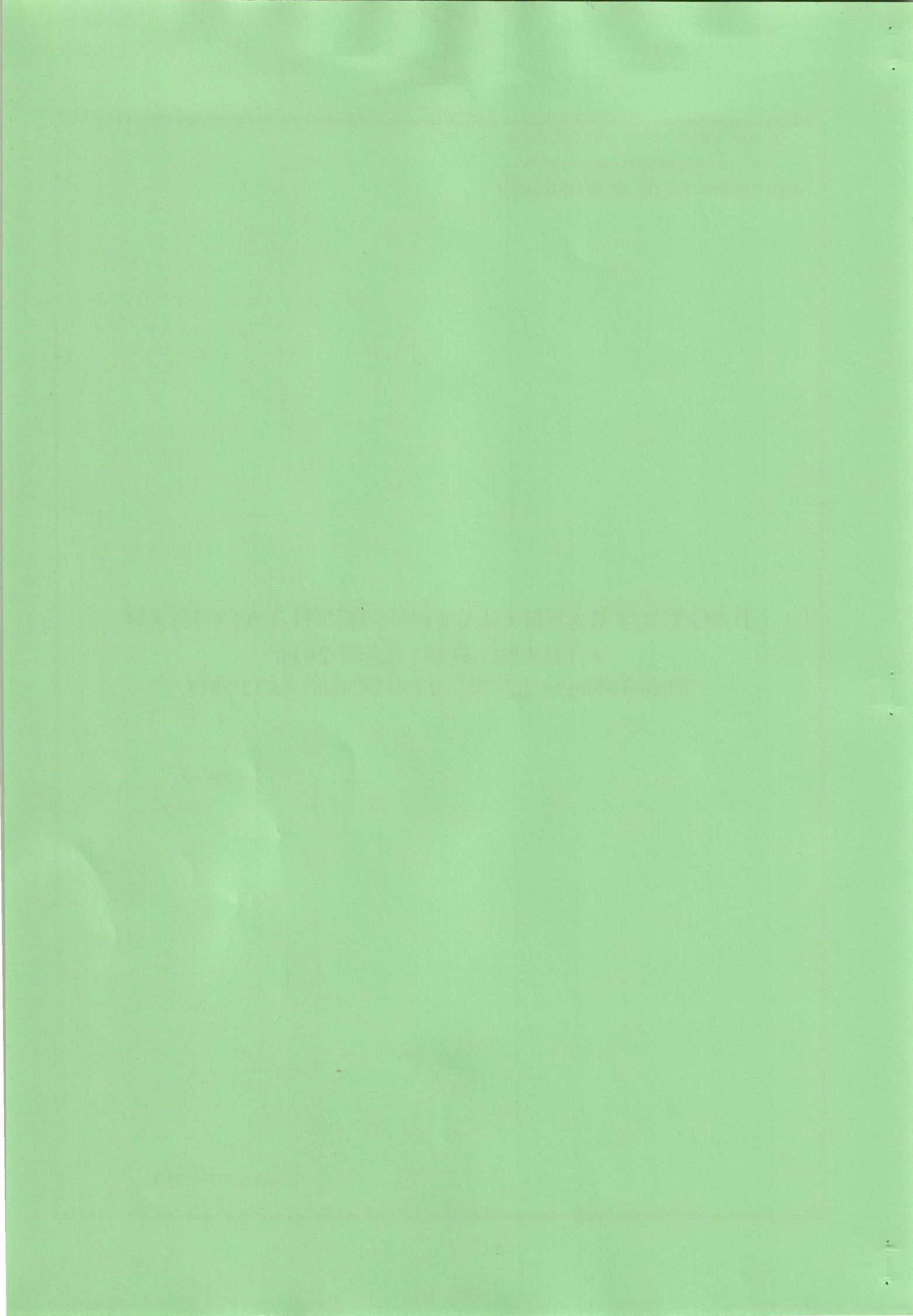


ỦY BAN NHÂN DÂN TP. HỒ CHÍ MINH
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TP. HỒ CHÍ MINH

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
6 THÁNG ĐẦU NĂM 2016**

Theo Thông tư 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015

Tháng 07-2016



Tp.HCM ngày 30 tháng 06 năm 2016

Kính gửi : Chi Cục Tài Chính Doanh Nghiệp

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN LÝ TÀI SẢN, CÔNG NỢ PHẢI THU,
CÔNG NỢ PHẢI TRẢ THEO THÔNG TƯ 158/2013/TT-BTC**

Căn cứ tại điểm b, khoản 2, điều 5 chương III theo Thông tư 200/2015/TT-BTC về hướng dẫn một số nội dung về giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với doanh nghiệp do Nhà nước làm chủ sở hữu và doanh nghiệp có vốn Nhà nước quy định về “ Tình hình quản lý tài sản, công nợ phải thu, phải trả....” như sau:

1) Về tình hình trích lập dự phòng công nợ phải thu khó đòi:

Mức trích lập dự phòng công nợ khó đòi đến 30/06/2016 là 7.535.281.077 đồng trong đó có khoản chi phí xây dựng bãi chôn lấp số 1 là 3.326.803.943 đồng hiện nay đang chờ kiểm toán để kết chuyển vào giá thành xử lý rác do đó khoản công nợ khó đòi đến 30/06/2016 là 4.208.477.134 đồng và tổng phải thu đến 30/06/2016 là 252.114.143.684 đồng (bảng cân đối kế toán) → Tỷ lệ dự phòng nợ khó đòi/tổng phải thu là 1,66%.

Nhận xét:

- Tỷ lệ nợ khó đòi/tổng phải thu là 1,66%--> điều này cho thấy khoản nợ khó đòi chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng khoản phải thu, ít ảnh hưởng đến tài chính của doanh nghiệp.
- Hiện nay, công ty đang cùng với các phòng ban và các xí nghiệp trực thuộc có liên quan tiến hành kiểm tra làm việc với những đơn vị có liên quan đến các khoản công nợ khó đòi đến 30/06/2016 để khẩn trương thu hồi các khoản nợ và nếu khoản nợ đến cuối năm vẫn không thu hồi được công ty sẽ xử lý vào cuối năm 2016 theo đúng quy định.

2) Về tình hình thực hiện các dự án:

Thẩm quyền quyết định phê duyệt các dự án đúng với quy định pháp luật, các công tác đầu tư các dự án, mua sắm tài sản, thiết bị đúng quy định về công tác quản lý đầu tư xây dựng cơ bản, công tác tính khấu hao tài sản, thanh lý tài sản, vật tư đúng theo quy định.

3) Về tình hình công nợ phải trả:

Về công nợ phải trả, công ty đều thực hiện việc trả nợ cho khách hàng đúng thời điểm thanh toán.

Công ty TNHH MTV Môi Trường Đô Thị TP.HCM



HUYỀN MINH NHỰT

Section header text, possibly a chapter or section title.

Introductory paragraph of text.

Second paragraph of text.

Third paragraph of text.

Fourth paragraph of text.

Fifth paragraph of text.

Sixth paragraph of text.

Seventh paragraph of text.

Eighth paragraph of text.

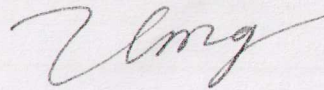
TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ HUY ĐỘNG VỐN ĐỂ ĐẦU TƯ VÀO CÁC DỰ ÁN HÌNH THÀNH TSCĐ VÀ XDCB

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

ĐVT: triệu đồng

TT	Tên dự án	Quyết định phê duyệt	Tổng mức vốn đầu tư					Thời gian đầu tư theo kế hoạch	Nguồn vốn huy động			Giá trị khối lượng thực hiện đến ngày 30/6/2016			Giải ngân đến ngày 30/6/2016			Giá trị tài sản đã hình thành và đưa vào sử dụng
			Tổng	Vốn chủ sở hữu	%	Vốn huy động	%		Tổng số	Thời hạn vay	Lãi suất (%)	Kỳ trước chuyển sang	Thực hiện trong kỳ	Thực hiện đến hết ngày 30/6/2016	Kỳ trước chuyển sang	Thực hiện trong kỳ	Thực hiện đến hết ngày 30/6/2016	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
A	Các dự án nhóm A																	
1																		
2																		
B	Các dự án nhóm B																	
1	Xây dựng bãi chôn lấp số 3	247/QĐ-MTĐT	976.450	620.046	63,5%	356.404	36,5%	11 năm (2013-2023)				268.808		268.808	250.473		250.473	243.478
C	Các dự án khác																	

Người lập biểu
(Ký)



Huỳnh Văn Hồng

Giám đốc doanh nghiệp
(Ký, đóng dấu)



Huỳnh Minh Nhựt

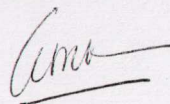
TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2016

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

ĐVT: triệu đồng

Nội dung	Cùng kỳ năm 2014	Cùng kỳ năm 2015	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2016		Biến động so với (tỷ lệ %)		
			Kế hoạch năm	Thực hiện kỳ	Cùng kỳ năm 2014	Cùng kỳ năm 2015	Kế hoạch năm
			(3)	(4)	(5)=(4)/(1)	(6)=(4)/(2)	(7)=(4)/(3)
A. Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh							
1. Sản lượng sản xuất SP chủ yếu							
2. Sản lượng tiêu thụ SP chủ yếu							
3. Tồn kho cuối kỳ							
B. Chỉ tiêu tài chính							
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	659.064	419.524	1.293.690	487.813	74,02%	116,28%	37,71%
2. Giá vốn hàng bán	617.133	379.560	1.192.229	442.354	71,68%	116,54%	37,10%
3. LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	41.931	39.964	101.460	45.459	108,41%	113,75%	44,80%
4. Doanh thu hoạt động tài chính	375	135	1.302	491	130,93%	363,70%	37,71%
5. Chi phí tài chính	1.686	2.735	5.487	2.036	120,76%	74,44%	37,10%
6. Chi phí bán hàng							
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26.617	23.355	68.943	25.580	96,10%	109,53%	37,10%
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	14.003	14.009	28.332	18.334	130,93%	130,87%	64,71%
9. Thu nhập khác	455	984	1.570	592	130,11%	60,16%	37,71%
10. Chi phí khác	172	84	547	203	118,02%	241,67%	37,10%
11. Lợi nhuận khác	283	900	1.023	389	137,46%	43,22%	38,03%
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	14.286	14.909	29.355	18.723	131,06%	125,58%	63,78%
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.984	1.989	3.669	2.254	113,61%	113,32%	61,43%
14. Chi phí thuế TNDN hoãn lại							
15. Lợi nhuận sau thuế TNDN	12.302	12.920	25.686	16.469	133,87%	128,47%	64,12%

Người lập biểu



Trần Anh Thi



Huỳnh Minh Nhựt

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CÔNG ÍCH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2016

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ so với KH %	Tỷ lệ so với cùng kỳ năm trước %
1. Khối lượng, sản lượng sản phẩm dịch vụ công ích thực hiện trong năm					
- Bảo quản nghĩa trang	Ha	770,01	385,00	50,00%	100,00%
- Nhật từ thi	Từ thi	450	202	44,89%	93,95%
- Bảo quản từ thi	Từ thi	720	336	46,67%	101,20%
- Thiêu từ thi	Từ thi	145	58	40,00%	95,08%
- Thu gom vận chuyển rác	T/Km	55.741.234,54	28.442.886,76	51,03%	98,95%
- Xử lý rác	Tấn	187.100,00	106.048,81	56,68%	67,58%
- Rác y tế	Kg	5.700.000,00	3.326.453,40	58,36%	124,84%
2. Khối lượng, sản lượng sản phẩm dịch vụ công ích bị lỗi, không đạt yêu cầu	Tấn, kg				
3. Số lượng ý kiến phản hồi về chất lượng sản phẩm, dịch vụ của doanh nghiệp không đạt yêu cầu					
4. Chi phí phát sinh liên quan đến các sản phẩm, dịch vụ công ích thực hiện trong năm	Tr.đ	1.267.207	470.173	37,10%	115,88%
5. Doanh thu thực hiện các sản phẩm, dịch vụ công ích trong năm	Tr.đ	1.296.562	488.896	37,71%	116,23%

Người lập biểu

Trần Anh Thi

Trần Anh Thi

Giám đốc



Huỳnh Minh Nhựt

Huỳnh Minh Nhựt

A. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2016

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

DVT: triệu đồng

CHỈ TIÊU	Số còn phải nộp năm trước chuyển sang	Số phát sinh phải nộp trong 6 tháng	Số đã nộp trong 6 tháng	Số còn phải nộp chuyển sang kỳ sau
1. Thuế	27.461.035.958	6.661.791.013	40.416.953.537	-6.294.126.566
- Thuế GTGT	24.264.950.112	4.473.091.270	32.776.000.037	-4.037.958.655
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.120.302.786		4.588.302.786	-1.468.000.000
- Thuế xuất, nhập khẩu				
- Thuế tài nguyên	2.824.200	22.404.600	22.440.000	2.788.800
- Tiền thuê đất		2.076.009.822	2.076.009.822	-
- Thuế đất				
- Thuế môn bài		3.000.000	3.000.000	-
- Thuế thu nhập cá nhân	72.958.860	87.285.321	951.200.892	-790.956.711
- Các khoản thuế khác				-
2. Các khoản phải nộp khác	-	-	-	-
- Phí, lệ phí				
- Các khoản phải nộp khác				
3. Nộp ngân sách nhà nước (Quỹ hỗ trợ và phát triển DN) phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của DN theo quy định				

Kế toán trưởng

Huỳnh Hữu Hồ

Ngày 27 tháng 7 năm 2016

Giám đốc

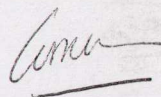
Huỳnh Minh Nhựt



B. TÌNH HÌNH TRÍCH LẬP VÀ SỬ DỤNG CÁC QUỸ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2016*(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)**ĐVT: triệu đồng*

Chỉ tiêu	Dư đầu năm	Tăng trong 6 tháng	Giảm trong 6 tháng	Dư cuối kỳ
1. Quỹ Đầu tư phát triển	27.142	-10.879	1.171	15.092
2. Quỹ Khen thưởng phúc lợi	54.795	12.930	21.568	46.157
3. Quỹ Thưởng viên chức quản lý doanh nghiệp	774	168	225	717
4. Quỹ Hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp				
5. Quỹ Đặc thù khác (nếu có)				

Người lập biểu



Trần Anh Thi

Giám đốc



Huỳnh Minh Nhựt

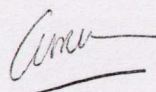
TÌNH HÌNH BẢO TOÀN VỐN VÀ PHÁT TRIỂN VỐN 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2016

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Đầu kỳ	Cuối kỳ	Hệ số bảo toàn vốn
A. Vốn chủ sở hữu, trong đó:	335.535	324.317	1,11
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	303.638	304.470	
2. Quỹ đầu tư phát triển	27.141	15.091	
3. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	4.756	4.756	
B. Tổng tài sản	1.373.046	1.244.119	
C. Lợi nhuận sau thuế	X	16.469	
D. Hiệu quả sử dụng vốn			
1. Tỷ suất LN sau thuế /Vốn CSH (ROA)	X	0,05	X
2. Tỷ suất LN sau thuế /Tổng tài sản (ROE)	X	0,01	X

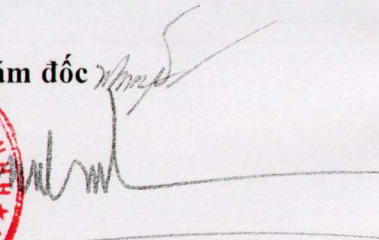
Người lập biểu



Trần Anh Thi



Giám đốc



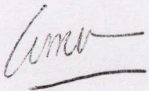
Huỳnh Minh Nhựt

TÌNH HÌNH CHẤP HÀNH CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH VÀ PHÁP LUẬT 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2016

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

- | | Có | Không |
|--|-------------------------------------|-------------------------------------|
| 1. Trong năm vừa qua, doanh nghiệp có tuân thủ (không bị xử phạt hành chính) và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế và các khoản thu nộp ngân sách hay không | <input checked="" type="checkbox"/> | |
| 2. Doanh nghiệp có tuân thủ đầy đủ (có quy trình, nhân viên được đào tạo và phổ biến về quy trình, không bị xử phạt hành chính và/hoặc trên hành chính, ...) các quy định về an toàn vệ sinh môi trường và xử lý chất thải không | <input checked="" type="checkbox"/> | |
| 3. Doanh nghiệp có thực hiện đầy đủ chế độ chính sách (chế độ tiền lương, BHXH, BHYT, v.v...) cho người lao động hay không | <input checked="" type="checkbox"/> | |
| 4. Doanh nghiệp có bị lập biên bản vi phạm hành chính nào khác liên quan đến việc chấp hành chế độ, chính sách, pháp luật không | | <input checked="" type="checkbox"/> |

Người lập biểu



Trần Anh Thi



Giám đốc

Huỳnh Minh Nhựt

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)
6 THÁNG ĐẦU NĂM 2016

Đơn vị tính: đồng

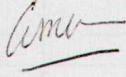
Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		709.882.956.136	557.106.886.820
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		-230.151.982.465	-225.928.055.955
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		-181.486.440.554	-89.991.953.114
4. Tiền lãi vay đã trả	04		-2.109.679.101	-3.023.742.141
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		-4.588.302.786	-3.865.614.763
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		10.169.686.852	5.857.498.383
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		-127.997.874.393	-62.788.203.850
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		173.718.363.689	177.366.815.380
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-20.025.477.340	-68.167.184.450
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		180.500.000	162.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		0	0
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		491.233.260	134.598.096
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		-19.353.694.080	-67.870.586.354
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		0	0
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-93.707.999.437	-46.843.702.886
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-93.707.999.437	-46.843.702.886
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		60.656.670.172	62.652.526.140
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		64.305.719.572	21.079.825.345
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		124.962.389.744	83.732.351.485

Dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh dương, thể hiện lượng tiền mặt công ty tạo ra đáp ứng đủ nhu cầu cho các hoạt động sản xuất kinh doanh, làm tăng tính thanh khoản, khả năng thanh toán kịp thời các khoản nợ đến hạn của công ty. Lượng tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh đủ để chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ, chi trả cho người lao động, lãi vay, nộp thuế và các hoạt động kinh doanh khác.

Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư chủ yếu mua sắm phương tiện vận tải, máy móc thiết bị, xây dựng nhà xưởng, bãi chôn lấp rác của công ty.

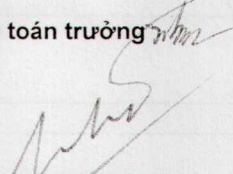
Luồng tiền phát sinh từ hoạt động tài chính là tiền chi trả các khoản nợ gốc đã vay của dự án nâng công suất xử lý chất thải nguy hại thêm 14 tấn/ngày, dự án đầu tư tăng cường năng lực xe máy 2015 và dự án nhà máy xử lý nước rỉ rác theo công nghệ Seen.

Người lập biểu



Trần Anh Thi

Kế toán trưởng



Huỳnh Hữu Hồ



Ngày 27 tháng 7 năm 2016

Giám Đốc

Huỳnh Minh Nhựt

